TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 09 – 01 – 2023
V/v "Tranh chấp giao dịch hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022, về "Tranh chấp giao dịch hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Mỹ N, sinh năm: 1961 (có mặt).

Ông Tạ Hoàng V, sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Văn Vĩnh N1 (vắng mặt).

Bà Trần Mỹ N2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Phạm Mỹ N và Tạ Hoàng V trình bày: Ông V, bà N có làm chủ hụi và mở các dây hụi tháng, hụi mùa từ năm 2017 đến nay ông Văn Vĩnh N1 và bà Trần Mỹ N2 là hụi viên có tham gia nhiều dây do ông N1 và bà N2 là hụi viên, ông N1 và bà N2 hốt tất cả các dây hụi tính

đến ngày 21/7/2021 hai bên chốt hụi, tính tiền đến khi mãn hụi tất cả các dây có làm giao kèo, ông N1 và bà N2 cam kết sẽ trả tổng số tiền là 631.500.000 đồng, mỗi tháng trả cho ông V, bà N 5.000.000 đồng, tính từ ngày 10/9/2021 đến khi mãn hụi, nhưng từ khi ký giao kèo đến nay ông N1 và bà N2 không thực hiện việc trả nợ cho ông V và bà N, nay tại phiên tòa ông V và bà N yêu cầu ông N1 và bà N2 trả số tiền theo tờ cam kết số tiền là 631.500.000 đồng.

* Đối với ông Văn Vĩnh N1 và bà Trần Mỹ N2, mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn (do bà Trần Mỹ N2 ký nhận theo quy định của pháp luật nhưng ông N1, bà N2 vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không ghi được ý kiến của ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bên đương sự bắt đầu phát sinh giao dịch từ ngày năm 2017 đến ngày 21/7/2021 ông N1 và bà N2 ngưng đóng hụi chết cho đến nay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự. Về thẩm quyền và loại việc các bên tranh chấp là giao dịch hụi nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có mặt; đối với bị đơn, mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn (do bà Trần Mỹ N2 ký nhận và biết được nguyên đơn kiện ông bà theo quy định của pháp luật) nhưng ông N1, bà N2 vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đặt ra được xác định là giao dịch về hụi. Việc thỏa thuận giao dịch này được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có lập giấy giao kèo đóng góp vốn để chơi hụi, được các thành viên thống nhất, có quy định nội dung chơi hụi, định mức giao nộp, thời gian mở hụi, chung hụi, hình thức xử lý, các thành viên thực hiện tốt việc chơi hụi. Quá trình tham gia chơi hụi, ông N1 và bà N2 đã hốt hụi nhưng không

thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết. Ngoài ra, ông N1 và bà N2 làm cam kết và chốt hụi, nhưng không thực hiện đóng hụi là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có cơ sở để chấp nhận thanh lý hợp đồng.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao dịch hụi trên thực tế là có diễn ra, được xác lập trên tinh thần thỏa thuận tự nguyện. Nguyên đơn cung cấp các biên nhận hốt hụi ở các dây hụi như nguyên đơn trình bày và biên nhận ngày 21/7/2021 (dương lịch) có chữ ký tên của ông N1 và bà N2. Đồng thời, Quá trình tham gia hụi, ông N1 và bà N2 đã hốt hụi, bà N, ông V đã cho ông N1 và bà N2 hốt nhiều chưng hụi, nhưng ông N1, bà N2 không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi sau khi hốt hụi cho nguyên đơn. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng ông N1 và bà N2 vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông N1 và bà N2 phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Do đó, việc bà N và ông V yêu cầu ông N1, bà N2 trả lại cho nguyên đơn số tiền 631.500.000 đồng là có căn cứ.

[4] Ông N1 và bà N2 có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà N và ông V nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà N ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Mỹ N, Tạ Hoàng V - Buộc ông Trần Vĩnh N3 và bà Trần Mỹ N2 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Mỹ N và Tạ Hoàng V số tiền 631.500.000 đồng. *(Sáu trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm đồng).*

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Văn Vĩnh N1 và bà Trần Mỹ N4 phải chịu 29.260.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Phạm Mỹ N và ông Tạ Hoàng V không phải chịu án phí.

3/ Những người có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Thủy